

Bản án số: 63/2020/LĐ-PT

Ngày: 14/02/2020

V/v: “*Tranh chấp về xử lý kỷ
luật lao động*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Kim Dung;
Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/01/2020, ngày 14/02/2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 79/2019/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 15/2019/LĐ-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6112/2019/QĐPT-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 400/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu C** – sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 12/6 đường số 138, khu phố 2, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số 50-57 đường số 1, KCX Linh Trung 2, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L - sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Văn phòng luật sư Long Nguyễn - lầu 3, số 250 đường N, Phường 6, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T
- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty TNHH T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:*

Ngày 19/9/2004, ông Nguyễn Hữu C và Công ty trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 08528, công việc của ông C là giám sát an ninh tại nhà máy, mức lương 3.000.000đồng/tháng. Công ty đã bố trí công việc cho ông C theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng lao động. Đến ngày 01/7/2018 hai bên đã ký phụ lục hợp đồng lao động điều chỉnh mức lương của ông C là 14.265.000đồng/tháng và ông đã nhận mức lương này từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019. Ngày 27/3/2019 Công ty tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động đối với ông C và ban hành quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 cùng ngày 27/3/2019. Nội dung quyết định cách chức giám sát an ninh tại nhà máy TA2 đối với ông C và bố trí công việc mới cho ông là nhân viên văn phòng kho cấp bậc CS2, mức lương mới 6.000.000đồng/tháng. Từ tháng 4/2019 đến nay ông C nhận mức lương 6.000.000đồng/tháng. Việc Công ty xử lý kỷ luật lao động đối với ông C là không đúng vì ông không vi phạm điều 27.9 nội quy lao động như Công ty đã viện dẫn. Bảo vệ tại Công ty có 03 lớp bảo vệ, hàng hoá, vật tư ra khỏi Công ty phải có phiếu xuất kho, trong thời gian ông làm việc tại nhà máy TA2 thì không có một phản hồi nào về việc mất hàng hoá nên bảo vệ không thể biết được là có mất hàng hay không. Công ty cho rằng ông C biết mất hàng hoá nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc này.

Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định xử lý kỷ luật số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc cách chức, hạ lương, bố trí công việc mới đối với ông nên khôi phục lại chức vụ, tiền lương như ban đầu cho ông. Cụ thể số tiền lương ông yêu cầu như sau: Tiền lương từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 ông C đã nhận lương với mức lương 6.000.000đồng/tháng. Phần lương mỗi tháng công ty còn chưa thanh toán cho ông là 14.265.000 đồng - 6.000.000 đồng = 8.265.000 đồng. Như vậy từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 số tiền lương công ty còn chưa thanh toán cho ông C là 8.265.000 đồng x 6 tháng = 49.590.000 đồng. Tiền lương từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2019 ông C chưa nhận lương tháng 10/2019 ông sẽ nhận vào cuối tháng 10/2019 nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu Công ty công khai xin lỗi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông C rút lại yêu cầu này và bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội bổ sung cho thời gian chưa đóng.

** Công ty TNHH T có đại diện uỷ quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:*

Công ty thống nhất nội dung về việc ký kết hợp đồng lao động, mức lương, công việc của ông C như ông C đã trình bày. Việc xử lý kỷ luật lao động đối với ông C, Công ty đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Vì trong quá trình ông C làm giám sát an ninh tại nhà máy TA2 thì nhà máy đã xảy ra mất mát hàng hoá có giá trị lớn là hàng nguyên liệu, phụ kiện sản xuất đồ gỗ theo mẫu mã độc quyền của khách hàng nước ngoài đặt công ty gia công. Công ty không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh lỗi của ông C, Công ty chỉ xác định được việc mất mát hàng hoá qua quá trình kiểm đếm. Công ty xác định việc mất nguyên phụ liệu tại nhà máy TA2 là có lỗi trực tiếp của lực lượng an ninh do ông Nguyễn Hữu Cphụ trách, nên Công ty xử lý kỷ luật cách chức ông C do vi phạm Điều 27.9 nội quy lao động của Công ty là đúng. Thời điểm Công ty phát hiện mất nguyên phụ liệu là vào thời điểm cuối năm 2018. Do bố trí công việc mới nên Công ty điều chỉnh mức lương tương ứng với công việc là đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty không đồng ý với các yêu cầu của ông C.

** Tại bản án số 15/2019/LĐ-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 119, Điều 120, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội năm 2014

- Căn cứ Quyết định số 595/QĐ- BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Huỷ quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty TNHH T về việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức cách chức, bố trí công việc mới, mức lương mới đối với ông Nguyễn Hữu C.

2/ Khôi phục chức vụ giám sát an ninh và mức lương 14.265.000 đồng/tháng cho ông Nguyễn Hữu C.

3/ Buộc Công ty TNHH T trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền lương chưa thanh toán từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 với số tiền là 49.590.000 đồng.

4/ Buộc Công ty TNHH T phải đóng bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông Nguyễn Hữu C được bồi thường nêu trên đối với phần ông Nguyễn Hữu C phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Nguyễn Hữu C theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 theo mức lương bổ sung là 8.265.000 đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty TNHH T phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải hoàn trả sổ Bảo hiểm xã hội ngay cho ông Nguyễn Hữu C sau khi có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH T còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu Công ty TNHH T công khai xin lỗi.

6/ Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 1.487.700 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013460 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Công ty TNHH T nộp đơn kháng cáo đề ngày 25/10/2019, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn là người kháng cáo Công ty TNHH T do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành Long trình bày: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ bản án, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, giữ nguyên quyết định xử lý kỷ luật số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, được chấp nhận; Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Các đương sự đều xác nhận ngày 19/9/2004, ông Nguyễn Hữu C và Công ty TNHH T đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 08528, công việc của ông C là giám sát an ninh tại nhà máy, mức lương 3.000.000đồng/tháng. Mức lương ông C nhận từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/3/2019 là 14.265.000đồng/tháng. Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 ông C nhận mức lương 6.000.000đồng/tháng. Ngày 27/3/2019, Công ty đã quyết định kỷ luật ông C theo quyết định số 06/QĐKL/2019 bằng hình thức cách chức, bố trí công việc mới, mức lương mới vì lý do ông C đã vi phạm điều 27.9 nội quy lao động của Công ty, cụ thể không thông báo những mất mát, thiệt hại về tài sản của công ty nhằm che dấu vi phạm của bản thân hoặc che dấu vi phạm của nhân viên khác. Quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với ông C, Công ty đã mời ông C tham gia họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động, thành phần tham gia họp có đại diện ban chấp hành Công đoàn cơ sở và lập biên bản họp theo quy định.

[2.2] Xét yêu cầu huỷ quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: Các bên đương sự đã thống nhất ý kiến về việc quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với ông C, Công ty đã mời ông C tham gia họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động, thành phần tham gia họp có đại diện ban chấp hành Công đoàn cơ sở và lập biên bản họp theo quy định. Phù hợp với biên bản họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động ngày 27/3/2019. Do đó, về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 123 Bộ luật Lao động năm 2012.

[2.2.2] Về thời hiệu xử lý kỷ luật lao động: Theo Công ty trình bày Công ty phát hiện mất mát nguyên phụ liệu vào cuối năm 2018. Đến ngày 27/3/2019 Công ty tiến hành xử lý kỷ luật lao động đối với ông C là trong thời hiệu xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Lao động năm 2012.

[2.2.3] Về nội dung của quyết định xử lý kỷ luật lao động: Công ty xử lý kỷ luật lao động đối với ông C do vi phạm Điều 27.9 nội quy lao động của Công ty. Theo Điều 123 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định khi xử lý kỷ luật người lao động thì “*người sử dụng lao động phải chứng minh được lỗi của người lao động*”. Tuy nhiên đại diện bị đơn trình bày Công ty không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lỗi của ông C về việc làm mất mát nguyên phụ liệu của Công ty. Do đó có cơ sở xác định quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty về việc xử lý kỷ luật lao động đối với ông C là

không đúng quy định của pháp luật. Ông C yêu cầu huỷ quyết định số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Do quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty bị huỷ nên ông C yêu cầu Công ty khôi phục chức vụ, tiền lương như trước khi có quyết định xử lý kỷ luật lao động là có cơ sở chấp nhận:

[2.3.1] Về chức vụ: Các bên đương sự đã thống nhất công việc của ông C trước khi xử lý kỷ luật lao động là giám sát an ninh. Do đó, khôi phục chức vụ giám sát an ninh đối với ông C.

[2.3.2] Về tiền lương: Các bên đương sự thống nhất tiền lương tháng 3/2019 (trước khi có quyết định xử lý kỷ luật lao động) ông C nhận mức lương là 14.265.000đồng/tháng. Đây là mức lương của ông C được thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng lao động ngày 01/7/2018. Do đó, khôi phục mức lương 14.265.000đồng/tháng đối với ông C. Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 ông C nhận mức lương 6.000.000đồng/tháng. Như vậy, từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 mỗi tháng Công ty chưa thanh toán cho ông C số tiền lương tương ứng là $14.265.000\text{đồng/tháng} - 6.000.000\text{đồng/tháng} = 8.265.000\text{đồng/tháng}$. Số tiền lương Công ty phải trả bổ sung cho ông C từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 là $8.265.000\text{ đồng} \times 6\text{ tháng} = 49.590.000\text{ đồng}$.

[2.4] Xét yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội bổ sung cho phần tiền lương chưa thanh toán:

[2.4.1] Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Quyết định số 595/QĐ- BHHX ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng tiền vào quỹ bảo hiểm xã hội do Cơ quan Bảo hiểm xã hội quản lý, đây là nghĩa vụ bắt buộc theo qui định của pháp luật và mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội từ năm 2018 bao gồm lương, phụ cấp lương và khoản bổ sung khác.

[2.4.2] Do khôi phục mức lương từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 của ông C là 14.265.000đồng/tháng. Do đó, mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội của ông C từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 là 14.265.000đồng/tháng. Công ty và ông C đã đóng bảo hiểm xã hội trên mức lương 6.000.000đồng/tháng. Do đó Công ty và ông C có trách nhiệm trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 (06 tháng) mỗi tháng trên số tiền lương bổ sung tương ứng là 8.265.000đồng/tháng.

[2.5] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí là 1.487.700 đồng. Hoàn lại tạm ứng án phí cho ông C.

[2.6] Về án phí lao động phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn là người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 32, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 119, Điều 120, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Quyết định số 595/QĐ- BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2019/LĐ-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Hủy quyết định xử lý kỷ luật lao động số 06/QĐKL/2019 ngày 27/3/2019 của Công ty TNHH T về việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức cách chức, bố trí công việc mới, mức lương mới đối với ông Nguyễn Hữu C.

2. Khôi phục chức vụ giám sát an ninh và mức lương 14.265.000 đồng/tháng cho ông Nguyễn Hữu C.

3. Buộc Công ty TNHH T trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền lương chưa thanh toán từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 với số tiền là 49.590.000 đồng.

4. Công ty TNHH T và ông Nguyễn Hữu C phải đóng bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông Nguyễn Hữu C được bồi thường nêu trên đối với phần ông Nguyễn Hữu C phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Nguyễn Hữu C theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/9/2019 theo mức lương bổ sung là 8.265.000đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty TNHH T và ông Nguyễn Hữu C phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải hoàn trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Hữu C sau khi có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH T còn phải

chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu Công ty TNHH T công khai xin lỗi.

6. Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 1.487.700 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013460 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0003982 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Công ty TNHH T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thủ Đức;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền